

Bản án số: 1539/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Mai Thị Tám.

2- Ông Nguyễn Văn Đên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 618/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 20/4/2022, nguyên đơn bà A trình bày:

Bà với ông B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159/2015, ngày 25/9/2015. Những năm đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thường gây gổ, cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn không thể cứu vãn được nữa. Vợ chồng chung sống cùng một mái nhà nhưng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông B.

- Về con chung có 01 trẻ tên C, sinh ngày 29/10/2016. Bà yêu cầu được nuôi trẻ C, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

* Tại bản tự khai ngày 18/7/2022, bị đơn ông B trình bày:

- Ông và bà A tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Do ông lo làm nên ít quan tâm tới vợ con, ngoài ra không có vấn đề gì. Ông làm ăn thất bại, vợ chồng đều bị bệnh, bà A nghe lời bạn bè làm đơn ly hôn. Ông xin Tòa án giúp đỡ cho vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con, ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung có 01 trẻ tên C, sinh ngày 29/10/2016, ông chưa có ý kiến.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung không có.

Do hòa giải đoàn tụ không thành nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, ông B vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà A với ông B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159/2015, ngày 25/9/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà A xin ly hôn với ông B:

Bà A cho rằng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa thể hiện hai người đã sống ly thân gần 01 năm. Ông B thừa nhận ít quan tâm tới vợ con, ngoài ra không có vấn đề gì tuy nhiên hồ sơ thể hiện: Bà A đã một lần nộp đơn xin ly hôn vào ngày 15/02/2022, đến ngày 21/3/2022 bà A rút đơn khởi kiện; Tòa án hòa giải đoàn tụ ngày 08/8/2022 không thành, đến ngày 12/9/2022 Tòa án hòa giải đoàn tụ lần thứ hai bà A vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, ông B xin thêm thời gian để hàn gắn nhưng không có giải pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông B có thời gian gần 01 năm để tự giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thay đổi được quyết định của bà A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, cho bà A được ly hôn ông B.

[4] Về con chung: Bà A với ông B có 01 con chung tên C, sinh ngày 29/10/2016.

Xét bà A yêu cầu được nuôi con là phù hợp vì trẻ C đang do bà A nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A.

Xét bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là do bà A tự nguyện, bà A có đủ điều kiện nuôi trẻ C nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà A và ông B cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, Hội đồng xét xử buộc bà A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A.

1. Về hôn nhân: Bà A được ly hôn ông B.

2. Về con chung có 01 trẻ tên C, sinh ngày 29/10/2016.

Bà A được trực tiếp nuôi trẻ C, ông B không phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà A phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0044383 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã M, huyện N (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thám